

Số: 2291 /CHKQTTSN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá dịch vụ đào tạo, huấn luyện tại
Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.**

GIÁM ĐỐC

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Công văn số 2491/TCTCHKVN - KDPTTT ngày 09/08/2021 về việc triển khai chính sách giá của Tổng công ty theo Nghị quyết số 237/NQ – HĐQT ngày 22/07/2021;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ - TCTCHKVN ngày 21/05/2020 về việc ban hành "Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ lực lượng kiểm soát an ninh hàng không" và "Chương trình khung huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho các đối tượng không thuộc lực lượng kiểm soát an ninh hàng không";

Căn cứ Quyết định số 3450/QĐ - TCTCHKVN ngày 12/09/2014 về việc ban hành mức giá tối thiểu dịch vụ đào tạo, huấn luyện tại Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 974/QĐ - CHK ngày 10/05/2021 về việc ban hành Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không chi tiết nhóm "Khai thác cảng hàng không, sân bay";

Căn cứ Quyết định số 3909/QĐ - CHKQTTSN ngày 17/12/2018 về việc ban hành bảng giá một số dịch vụ đào tạo, huấn luyện tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 30A/Ttr - CHKQTTSN-PKD ngày 28/04/2021 về việc xây dựng bảng giá môn "Huấn luyện định kỳ Kiến thức chung về hàng không dân dụng" đối với Công ty cổ phần nhà ga quốc tế Cam Ranh;

Tờ trình số 275/Ttr - CHKQTTSN-DTHL ngày 28/06/2019 v/v xây dựng bảng giá đào tạo cơ bản nghiệp vụ điều khiển, vận hành trang thiết bị mặt đất đối với Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Bảng giá dịch vụ đào tạo, huấn luyện tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2021

Ngay khi Quyết định này có hiệu lực bãi bỏ các Quyết định sau:

Quyết định số 3909/QĐ - CHKQTTSN ngày 17/12/2018 về việc ban hành bảng giá một số dịch vụ đào tạo, huấn luyện tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Tờ trình số 30A/Ttr - CHKQTTSN-PKD ngày 28/04/2021 về việc xây dựng bảng giá môn "Huấn luyện định kỳ Kiến thức chung về hàng không dân dụng" đối với Công ty cổ phần nhà ga quốc tế Cam Ranh;

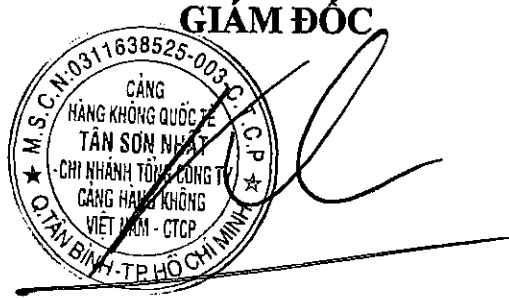
Tờ trình số 275/Ttr - CHKQTTSN-DTHL ngày 28/06/2019 v/v xây dựng bảng giá đào tạo cơ bản nghiệp vụ điều khiển, vận hành trang thiết bị mặt đất đối với Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn

Điều 4. Phòng Tài chính – Kế toán, Trung tâm Đào tạo – Huấn luyện và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *YVN*

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Cường

BẢNG GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 2211/CHKQTTSN ngày 28 tháng 9 năm 2021)

STT	Nội dung	Số giờ/khóa	Mức giá/học viên	Ghi chú
1	ĐÀO TẠO CƠ BẢN			
1.1	Đào tạo nghiệp vụ an ninh soi chiếu	757	27,000,000	
1.2	Đào tạo nghiệp vụ an ninh kiểm soát	629	15,000,000	
1.3	Đào tạo nghiệp vụ an ninh cơ động	625	15,000,000	
2	BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ			
2.1	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý an ninh hàng không	40	3,700,000	
2.2	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý khủng hoảng an ninh hàng không	24	2,700,000	
2.3	Bồi dưỡng nghiệp vụ giảng dạy lực lượng kiểm soát an ninh hàng không	56	4,900,000	
2.4	Bồi dưỡng nghiệp vụ giảng dạy kiến thức an ninh hàng không	56	4,900,000	
2.5	Bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát viên an ninh hàng không	56	4,900,000	
3	HUẤN LUYỆN KIẾN THỨC AN NINH HÀNG KHÔNG CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN			
3.1	Kiến thức An ninh hàng không (8 giờ)	8	600,000	
3.2	Kiến thức An ninh hàng không (12 giờ)	12	900,000	
3.3	Kiến thức An ninh hàng không (14 giờ)	14	950,000	

STT	Nội dung	Số giờ/khóa	Mức giá/học viên	Ghi chú
6	HÀNG HÓA NGUY HIỂM; AN TOÀN SÂN ĐỔ; PCCC VÀ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ			
6.1	Hàng nguy hiểm CAT 10	24	1,600,000	
6.2	Hàng nguy hiểm CAT 8,9,12	16	1,200,000	
6.3	Định kỳ Hàng nguy hiểm CAT 10	16	1,200,000	
6.4	Định kỳ Hàng nguy hiểm CAT 8,9,12	8	700,000	
6.5	An toàn hàng không và an toàn sân đỗ	24	1,600,000	
6.6	Định kỳ An toàn hàng không và an toàn sân đỗ	8	700,000	
6.7	Phòng cháy chữa cháy cơ bản	16	900,000	
6.8	Định kỳ Phòng cháy chữa cháy	8	600,000	
6.9	Sử dụng vũ khí quân dụng (5 ngày - 40 giờ)		Theo thực tế	
6.10	Sử dụng vũ khí quân dụng (3 ngày - 24 giờ)		Theo thực tế	
6.11	Sử dụng vũ khí quân dụng (3 ngày - 24 giờ)		Theo thực tế	
7	VẬN HÀNH TRANG THIẾT BỊ MẶT ĐẤT			
7.1	Kiến thức chung về hàng không dân dụng	44	1,200,000	Không bao gồm ATSD, HHNH và Kiến thức An ninh hàng không.
7.2	Đào tạo điều khiển xe ô tô thông thường (chuyên ngành)	36		
7.2.1	Đào tạo điều khiển xe ô tô thông thường (lý thuyết)	26	2,000,000	
7.2.2	Đào tạo điều khiển xe ô tô thông thường (thực hành)	10	1,600,000	

STT	Nội dung	Số giờ/khóa	Mức giá/học viên	Ghi chú
7.3	Đào tạo điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người (chuyên ngành)	52		
7.3.1	Đào tạo điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người (chuyên ngành) (phần Lý thuyết)	26	2,000,000	
7.3.2	Đào tạo điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người (chuyên ngành) (phần Thực hành)	26	4,300,000	
7.4	Đào tạo điều khiển xe chữa cháy (chuyên ngành)	84		
7.4.1	Đào tạo điều khiển xe chữa cháy (chuyên ngành) (phần Lý thuyết)	50	3,000,000	
7.4.2	Đào tạo điều khiển xe chữa cháy (chuyên ngành) (phần Thực hành)	34	37,700,000	
7.4.3	Đào tạo điều khiển xe chữa cháy (chuyên ngành) (phần Thực hành) + chi thuê giáo viên	34	4,750,000	
7.5	Đào tạo vận hành Cầu hành khách (chuyên ngành) (Chi thuê giáo viên)	136		
7.5.1	Đào tạo vận hành Cầu hành khách (chuyên ngành) (phần Lý thuyết) + Chi thuê giáo viên	86	3,400,000	
7.5.2	Đào tạo vận hành Cầu hành khách (chuyên ngành) (Thực hành) + Chi thuê giáo viên	50	6,800,000	
7.6	Đào tạo điều khiển xe cắt cỏ (chuyên ngành) + chi thuê giáo viên	52		

STT	Nội dung	Số giờ/khóa	Mức giá/học viên	Ghi chú
7.6.1	Đào tạo điều khiển xe cẩu cò (chuyên ngành) (phần lý thuyết) + chi thuê giáo viên	30	2,000,000	
7.6.2	Đào tạo điều khiển xe cẩu cò (chuyên ngành) (phần thực hành) + chi thuê giáo viên	22	3,200,000	
7.7	Định kỳ kiến thức chung về hàng không dân dụng	10	900,000	Không bao gồm ATSD, HHNH và Kiến thức An ninh hàng không
7.8	Định kỳ điều khiển xe ô tô thông thường (không bao gồm Định kỳ kiến thức chung về HKDD)	10	950,000	
7.9	Định kỳ điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người (không bao gồm Định kỳ kiến thức chung về HKDD)	10	950,000	
7.10	Định kỳ điều khiển chữa cháy (không bao gồm Định kỳ kiến thức chung về HKDD)	10	3,800,000	

Handwritten mark

Ghi chú:

- Lớp học quy định tối đa 30 học viên/lớp học, trừ lớp học quy định tại mục 7 tối đa 15 học viên
- Mức giá trên bao gồm:
 - * Quản lý lớp học, phòng học, trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ giảng dạy, biên soạn giáo trình, giáo án/tài liệu giảng dạy, tài liệu học viên, chuẩn bị đề thi, photo tài liệu học tập, kiểm tra.
 - * Phụ cấp giảng dạy của giáo viên
- Chi phí tổ chức khóa học dưới 25 học viên, áp dụng mức 80% tổng chi phí tổ chức khóa học 30 học viên
- Chi phí tổ chức khóa học bằng tiếng Anh bằng (=) 150% chi phí khóa học bằng tiếng Việt
- Chi phí thi lại: 100.000 đồng/lần/học viên
- Chi phí cấp Giấy chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn: 100.000 đồng/GCN hoặc CCCM/học viên
- Chi phí gia hạn Giấy chứng nhận, sổ chứng nhận: 50.000 đồng